

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục 16 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan để kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2901/QĐ-BTNMT ngày 06 tháng 10 năm 2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai tại Tờ trình số 432/TTr-STNMT ngày 12 tháng 10 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 16 thủ tục hành chính (cấp tỉnh) được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Bãi bỏ các thủ tục hành chính sau:

1. Hai (02) danh mục thủ tục hành chính số thứ tự 07, 08 công bố tại Quyết định số 1151/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai về việc công bố Danh mục 21 thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường, địa chất và khoáng sản, tài nguyên nước, khí tượng thủy văn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Mười bốn (14) danh mục thủ tục hành chính có số thứ tự thứ 01 và số thứ tự 03 đến số thứ tự 15 công bố tại Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm soát TTHC (VP Chính phủ);
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Như điều 3 QĐ;
- Cổng Thông tin điện tử của tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT3.

CHỦ TỊCH



Trịnh Xuân Trường

Phụ lục I
DANH MỤC 16 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC KHOÁNG SẢN THUỘC
PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH LÀO CAI

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai)

TT	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý
1	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản (Mã TTHC: 1.000778)	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh. - Trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân. 	Không quá 87 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận tiếp nhận, số hóa và trả kết quả Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai (Quầy giao dịch Sở Tài nguyên và Môi trường). Địa chỉ: Đại lộ Trần Hưng Đạo, phường Nam Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai (vị trí giữa trụ sở khối 6 và trụ sở khối 7). - Cổng dịch vụ công (dịch vụ công trực tuyến). 	<p>Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hecta (ha), mức thu là 4.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 10.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh

TT	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý
						<p>giả trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; - Thông tư số 53/2013/TT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tổ chức và hoạt động của Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản; - Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản
2	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản (Mã TTHC: 1.004481)	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh. - Trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua 	Trong thời gian không quá 45 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận tiếp nhận, số hóa và trả kết quả Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai (Quầy giao dịch Sở Tài nguyên và Môi trường). Địa chỉ: Đại lộ Trần Hưng Đạo, phường Nam Cường, thành phố 	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hecta (ha), mức thu là 2.000.000 đồng/01 giấy phép; 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị

TT	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý
		đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.		Lào Cai, tỉnh Lào Cai (vị trí giữa trụ sở khối 6 và trụ sở khối 7). - Cổng dịch vụ công (dịch vụ công trực tuyến).	- Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép.	định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.
3	Chuyên nhượng quyền thăm dò khoáng sản (Mã TTHC: 2.001814)	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh. - Trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.	Không quá 45 ngày làm việc	- Bộ phận tiếp nhận, số hóa và trả kết quả Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai (Quầy giao dịch Sở Tài nguyên và Môi trường). Địa chỉ: Đại lộ Trần Hưng Đạo, phường Nam Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai (vị trí giữa trụ sở khối 6 và trụ sở khối 7). - Cổng dịch vụ công (dịch vụ công trực tuyến).	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể: - Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hecta (ha), mức thu là 2.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép.	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ

TT	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý
						sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.
4	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản (Mã TTHC: 1.005408)	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh. - Trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.	Không quá 45 ngày làm việc	- Bộ phận tiếp nhận, số hóa và trả kết quả Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai (Quầy giao dịch Sở Tài nguyên và Môi trường). Địa chỉ: Đại lộ Trần Hưng Đạo, phường Nam Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai (vị trí giữa trụ sở khối 6 và trụ sở khối 7). - Cổng dịch vụ công (dịch vụ công trực tuyến).	Không	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; 207 - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;
5	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản (Mã TTHC: 2.001787)	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Tài nguyên	Không quá 184 ngày làm việc	- Bộ phận tiếp nhận, số hóa và trả kết quả Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy

TT	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý
		<p>và Môi trường hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh.</p> <p>- Trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.</p>		<p>Lào Cai (Quây giao dịch Sở Tài nguyên và Môi trường). Địa chỉ: Đại lộ Trần Hưng Đạo, phường Nam Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai (vị trí giữa trụ sở khối 6 và trụ sở khối 7).</p> <p>- Công dịch vụ công (dịch vụ công trực tuyến).</p>	<p>BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tổng chi phí thăm dò KS thực tế đến 1 Tỷ đồng: mức phí = 10 triệu đồng. Tổng chi phí thăm dò KS thực tế trên 01 đến 10 Tỷ đồng: mức phí = 10 triệu đồng + (0,5% x phần tổng chi phí trên 1 tỷ đồng). Tổng chi phí thăm dò KS thực tế trên 10 đến 20 tỷ đồng: mức phí = 55 triệu đồng + (0,3% x phần tổng chi phí trên 10 tỷ đồng) Tổng chi phí thăm dò KS thực tế trên 20 tỷ đồng: mức phí = 85 triệu đồng + (0,2% x phần tổng chi phí trên 20 tỷ đồng). 	<p>định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;</p> <p>207</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</p> <p>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;</p> <p>- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.</p>
6	<p>Chấp thuận tiên hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản (Mã TTHC: 1.004083)</p>	<p>- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh.</p> <p>- Trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu điện hoặc</p>	<p>Không quá 10 ngày làm việc</p>	<p>- Bộ phận tiếp nhận, số hóa và trả kết quả Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai (Quây giao dịch Sở Tài nguyên và Môi trường). Địa chỉ: Đại lộ Trần Hưng Đạo, phường Nam Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai</p>	<p>Không</p>	<p>- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;</p> <p>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;</p> <p>207</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý
		thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.		(vị trí giữa trụ sở khối 6 và trụ sở khối 7). - Công dịch vụ công (dịch vụ công trực tuyến).		liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;
7	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình (Mã TTHC: 1.004446)	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc nộp trực tuyến trên Công Dịch vụ công của tỉnh. - Trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.	(1) Đối với hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản: không quá 87 ngày làm việc. (2) Đối với hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản: không quá 40 ngày làm việc (3) Đối với hồ sơ khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình: không quá 57 ngày làm việc.	- Bộ phận tiếp nhận, số hóa và trả kết quả Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai (Quầy giao dịch Sở Tài nguyên và Môi trường). Địa chỉ: Đại lộ Trần Hưng Đạo, phường Nam Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai (vị trí giữa trụ sở khối 6 và trụ sở khối 7). - Công dịch vụ công (dịch vụ công trực tuyến).	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể: Đối với Giấy phép khai thác khoáng sản và Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình: 1. Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối a. Có công suất khai thác dưới 5.000 m ³ /năm, mức thu: 1.000.000 đồng/giấy phép b. Có công suất khai thác từ 5.000 m ³ đến 10.000 m ³ /năm, mức thu: 10.000.000 đồng/giấy phép c. Có công suất khai thác trên 10.000 m ³ /năm, mức thu: 15.000.000 đồng/giấy phép. 2. Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt

TT	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý
					<p>không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp:</p> <p>a. Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm, mức thu: 15.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>b. Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này, mức thu: 20.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>c. Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1, mức thu: 30.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>3. Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng, mức thu: 40.000.000 đồng/giấy phép.</p>	<p>trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;</p> <p>- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.</p> <p>- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;</p> <p>- Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý
					<p>4. Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, 2, 3, 6, 7:</p> <p>a. Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp: mức thu 40.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>b. Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp: 50.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>5. Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, 3, 6: mức thu: 60.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>6. Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm, mức thu: 80.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>7. Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại, mức thu: 100.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>- Đối với Quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản: không thu phí, lệ phí.</p>	
8	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản (Mã TTHC: 1.004434)	Tổ chức, cá nhân có nhu cầu tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải lập hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản và nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho cơ	- Thời gian tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản ít nhất là 15 ngày làm việc, kể từ ngày niêm yết việc đấu giá.	- Bộ phận tiếp nhận, số hóa và trả kết quả Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai (Quầy giao dịch Sở Tài nguyên và Môi trường). Địa chỉ: Đại lộ Trần Hưng Đạo, phường Nam Cường, thành phố	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010; - Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy

TT	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý
		<p>quan tiếp nhận hồ sơ đấu giá (Thực hiện theo thông báo mời đấu giá).</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời gian không quá 01 ngày, kể từ ngày hết hạn tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành phương án xét chọn hồ sơ của tổ chức, cá nhân đề nghị tham gia cuộc đấu giá. - Thời gian nộp tiền đặt trước được thông báo trong hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản trước khi tổ chức cuộc đấu giá ít nhất là 03 ngày. - Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá quyền khai 	<p>Lào Cai, tỉnh Lào Cai (vị trí giữa trụ sở khối 6 và trụ sở khối 7).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công dịch vụ công (dịch vụ công trực tuyến). 		<p>định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

TT	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý
			<p>thác khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường phải trình Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá.</p> <p>- Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá, Ủy ban nhân dân tỉnh phải ban hành văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá.</p> <p>- Thời gian thông báo và đăng tải công khai kết quả trúng đấu giá là 05 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá.</p>			
9	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã	Tổ chức, cá nhân có nhu cầu tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng	- Thời gian tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia	- Bộ phận tiếp nhận, số hóa và trả kết quả Trung tâm phục vụ	Không	- Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

TT	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý
	có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (Mã TTHC: 1.004433)	sản phải lập hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản và nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ đấu giá (Thực hiện theo thông báo mời đấu giá).	đấu giá quyền khai thác khoáng sản ít nhất là 15 ngày làm việc, kể từ ngày niêm yết việc đấu giá. - Trong thời gian không quá 01 ngày, kể từ ngày hết hạn tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành phương án xét chọn hồ sơ của tổ chức, cá nhân đề nghị tham gia cuộc đấu giá. - Thời gian nộp tiền đặt trước được thông báo trong hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản trước khi tổ chức cuộc đấu giá ít nhất là 03 ngày.	hành chính công tỉnh Lào Cai (Quầy giao dịch Sở Tài nguyên và Môi trường). Địa chỉ: Đại lộ Trần Hưng Đạo, phường Nam Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai (vị trí giữa trụ sở khối 6 và trụ sở khối 7). - Công dịch vụ công (dịch vụ công trực tuyến).		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016; - Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

TT	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý
			<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường phải trình Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá. - Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá, Ủy ban nhân dân tỉnh phải ban hành văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá. - Thời gian thông báo và đăng tải công khai kết quả 			

TT	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý
			trúng đầu giá là 05 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá			
10	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản (Mã TTHC: 2.001783)	<p>- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh.</p> <p>- Trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.</p>	Không quá 45 ngày làm việc	<p>- Bộ phận tiếp nhận, số hóa và trả kết quả Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai (Quầy giao dịch Sở Tài nguyên và Môi trường). Địa chỉ: Đại lộ Trần Hưng Đạo, phường Nam Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai (vị trí giữa trụ sở khối 6 và trụ sở khối 7).</p> <p>- Cổng dịch vụ công (dịch vụ công trực tuyến).</p>	<p>Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể:</p> <p>1. Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối:</p> <p>a. Công suất khai thác dưới 5.000m³/năm, mức thu: 500.000 đồng/giấy phép.</p> <p>b. Công suất khai thác từ 5.000 đến 10.000 m³/năm, mức thu: 5.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>c. Có công suất khai thác trên 10.000m³/năm, mức thu: 7.500.000 đồng/giấy phép.</p> <p>2. Giấy phép khai thác khoáng sản làm VLXD thông thường có diện tích dưới 10ha và công suất khai thác dưới 100.000m³/năm:</p> <p>a. Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm, mức thu: 7.500.000 đồng/giấy phép.</p> <p>b. Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng</p>	<p>- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;</p> <p>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</p> <p>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo, văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;</p> <p>- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý
					<p>sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1, mức thu: 10.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>c. Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1, mức thu: 15.000.000 đồng/hồ sơ.</p> <p>3. Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng, mức thu: 20.000.000 đồng/hồ sơ.</p> <p>4. Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, 2, 3, 6, 7, bao gồm:</p> <p>a. Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, mức thu: 20.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>b. Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, mức thu: 25.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>5. Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, 3,</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý
					<p>6, mức thu: 30.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>6. Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm, mức thu: 40.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>7. Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại, mức thu: 50.000.000 đồng/giấy phép.</p>	
11	<p>Chuyên nhượng quyền khai thác khoáng sản (Mã TTHC: 1.004345)</p>	<p>- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh.</p> <p>- Trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.</p>	<p>Không quá 45 ngày làm việc</p>	<p>- Bộ phận tiếp nhận, số hóa và trả kết quả Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai (Quầy giao dịch Sở Tài nguyên và Môi trường). Địa chỉ: Đại lộ Trần Hưng Đạo, phường Nam Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai (vị trí giữa trụ sở khối 6 và trụ sở khối 7).</p> <p>- Cổng dịch vụ công (dịch vụ công trực tuyến).</p>	<p>Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể:</p> <p>1. Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối:</p> <p>a. Công suất khai thác dưới 5.000m³/năm, mức thu: 500.000 đồng/giấy phép.</p> <p>b. Công suất khai thác từ 5.000 đến 10.000 m³/năm, mức thu: 5.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>c. Có công suất khai thác trên 10.000m³/năm, mức thu: 7.500.000 đồng/giấy phép.</p> <p>2. Giấy phép khai thác khoáng sản làm VLXD thông thường có diện tích dưới 10ha và công suất khai thác dưới 100.000m³/năm:</p> <p>a. Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm, mức thu: 7.500.000 đồng/giấy phép.</p>	<p>- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;</p> <p>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</p> <p>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án khai thác khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo, văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;</p> <p>- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý
					<p>b. Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1, mức thu: 10.000.000 đồng/giấy phép.</p> <p>c. Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1, mức thu: 15.000.000 đồng/hồ sơ.</p> <p>3. Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng, mức thu: 20.000.000 đồng/hồ sơ.</p> <p>4. Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, 2, 3, 6, 7, bao gồm:</p> <p>a. Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, mức thu: 20.000.000 đồng/giấy phép.</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý
					b. Có sử dụng vật liệu nông nghiệp, mức thu: 25.000.000 đồng/giấy phép. 5. Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, 3, 6, mức thu: 30.000.000 đồng/giấy phép. 6. Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm, mức thu: 40.000.000 đồng/giấy phép. 7. Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại, mức thu: 50.000.000 đồng/giấy phép.	
12	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản (Mã TTHC: 1.004135)	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh. - Trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân. 	Không quá 45 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận tiếp nhận, số hóa và trả kết quả Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai (Quầy giao dịch Sở Tài nguyên và Môi trường). Địa chỉ: Đại lộ Trần Hưng Đạo, phường Nam Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai (vị trí giữa trụ sở khối 6 và trụ sở khối 7). - Cổng dịch vụ công (dịch vụ công trực tuyến). 	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo, văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản.
13	Đóng cửa mỏ khoáng sản (Mã	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến 	Không quá 78 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận tiếp nhận, số hóa và trả kết quả 	Bộ Tài chính quy định mức thu, quản lý, sử dụng phí thẩm định đề án đóng	<ul style="list-style-type: none"> - Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

TT	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý
	TTHC: 1.004367)	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh. - Trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.		Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai (Quầy giao dịch Sở Tài nguyên và Môi trường). Địa chỉ: Đại lộ Trần Hưng Đạo, phường Nam Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai (vị trí giữa trụ sở khối 6 và trụ sở khối 7). - Công dịch vụ công (dịch vụ công trực tuyến).	cửa mỏ, nghiệm thu thực hiện đề án đóng cửa mỏ.	- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản; - Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản.
14	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Mã TTHC: 2.001781)	- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh. - Trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch	Không quá 33 ngày làm việc	- Bộ phận tiếp nhận, số hóa và trả kết quả Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai (Quầy giao dịch Sở Tài nguyên và Môi trường). Địa chỉ: Đại lộ Trần Hưng Đạo, phường Nam Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể: Khai thác tận thu: 5.000.000 đồng/01giấy phép.	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010. - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

TT	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý
		vụ công trực tuyến theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.		(vị trí giữa trụ sở khối 6 và trụ sở khối 7). - Công dịch vụ công (dịch vụ công trực tuyến).		<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.
15	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Mã TTHC: 1.004343)	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc nộp trực tuyến trên Công Dịch vụ công của tỉnh. - Trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân. 	Không quá 18 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận tiếp nhận, số hóa và trả kết quả Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai (Quầy giao dịch Sở Tài nguyên và Môi trường). Địa chỉ: Đại lộ Trần Hưng Đạo, phường Nam Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai (vị trí giữa trụ sở khối 6 và trụ sở khối 7). - Công dịch vụ công (dịch vụ công trực tuyến). 	Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, cụ thể: Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu: 2.500.000 đồng/01giấy phép.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010. - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ

TT	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí nếu có	Căn cứ pháp lý
						<p>phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;</p> <p>- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.</p>
16	<p>Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Mã TTHC: 2.001777)</p>	<p>- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh.</p> <p>- Trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ hoặc qua đường bưu điện hoặc thông qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.</p>	<p>Không quá 21 ngày làm việc</p>	<p>- Bộ phận tiếp nhận, số hóa và trả kết quả Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai (Quầy giao dịch Sở Tài nguyên và Môi trường). Địa chỉ: Đại lộ Trần Hưng Đạo, phường Nam Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai (vị trí giữa trụ sở khối 6 và trụ sở khối 7).</p> <p>- Cổng dịch vụ công (dịch vụ công trực tuyến).</p>	<p>Không</p>	<p>- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010.</p> <p>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;</p> <p>- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường;</p> <p>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản.</p>

Phụ lục II**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC KHOÁNG SẢN BỊ BÃI BỎ***(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai)*

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ TTHC	Ghi chú
1	Cấp giấy phép thăm dò khoáng sản	Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường	TTHC số thứ tự 07 trong danh mục ban hành kèm theo QĐ số 1151/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai
2	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường	TTHC số 08 trong danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1151/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai
3	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình	Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường - Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020. - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.	TTHC số 01 trong danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 10/5/2019 của UBND tỉnh Lào Cai
4	Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản	Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường	TTHC số 03 trong danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 10/5/2019 của UBND tỉnh Lào Cai
5	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản	Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường	TTHC số 04 trong danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 10/5/2019 của UBND tỉnh Lào Cai
6	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt	Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường	TTHC số 05 trong danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 10/5/2019 của UBND tỉnh Lào Cai

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ TTHC	Ghi chú
7	Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản	Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường	TTHC số 06 trong danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 10/5/2019 của UBND tỉnh Lào Cai
8	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản	Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường	TTHC số 07 trong danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 10/5/2019 của UBND tỉnh Lào Cai
9	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản	Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường	TTHC số 08 trong danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 10/5/2019 của UBND tỉnh Lào Cai
10	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường	TTHC số 09 trong danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 10/5/2019 của UBND tỉnh Lào Cai
11	Trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản	Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường	TTHC số 10 trong danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 10/5/2019 của UBND tỉnh Lào Cai
12	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản	Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường	TTHC số 11 trong danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 10/5/2019 của UBND tỉnh Lào Cai
13	Đóng cửa mỏ khoáng sản	Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường	TTHC số 12 trong danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 10/5/2019 của UBND tỉnh Lào Cai
14	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường	TTHC số 13 trong danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 10/5/2019 của UBND tỉnh Lào Cai

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ TTHC	Ghi chú
15	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường	TTHC số 14 trong danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 10/5/2019 của UBND tỉnh Lào Cai
16	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường	TTHC số 15 trong danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1272/QĐ-UBND ngày 10/5/2019 của UBND tỉnh Lào Cai